

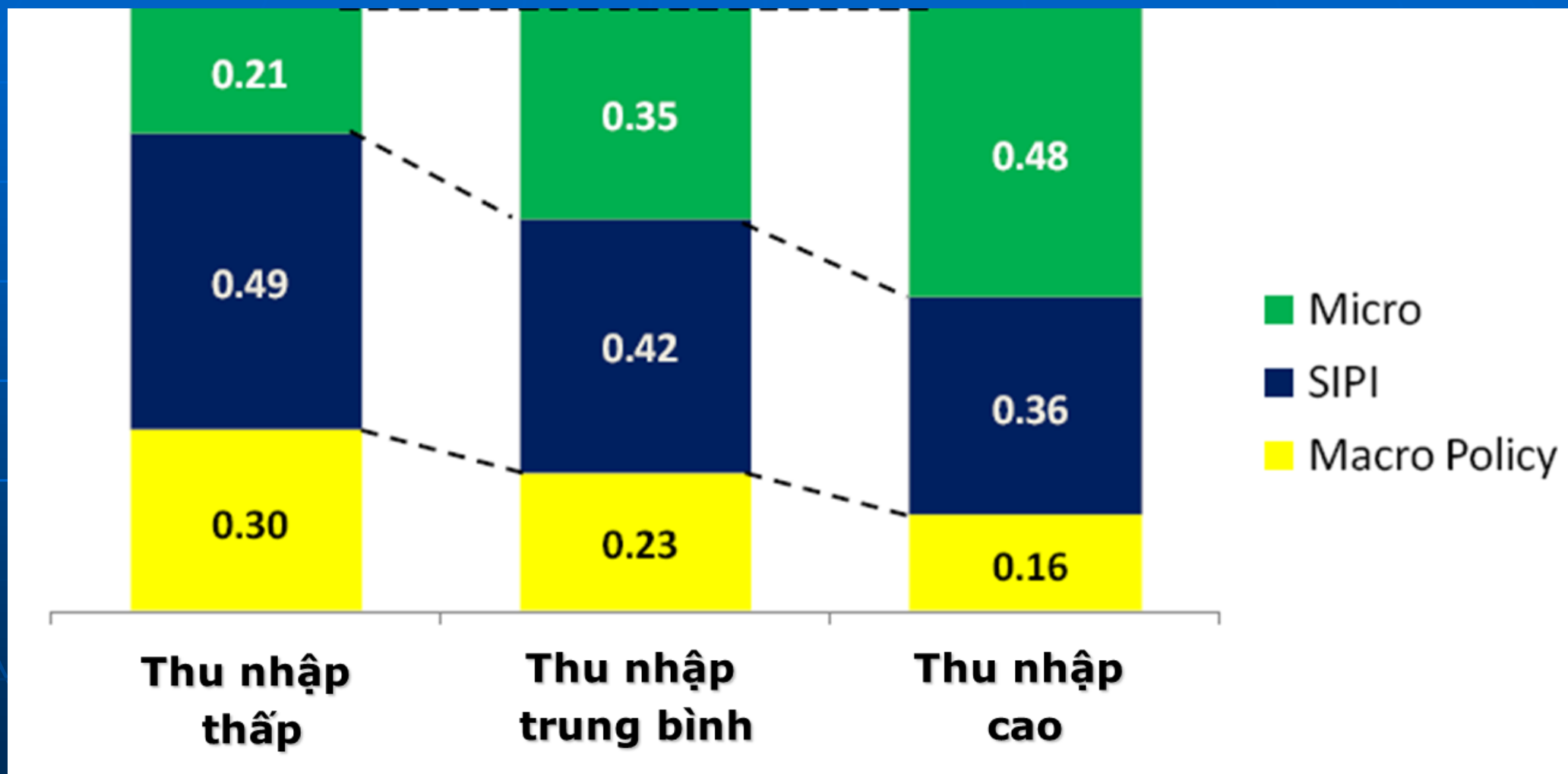
CHIẾN LƯỢC CẠNH TRANH QUỐC GIA

Vũ Thành Tự Anh
Trưởng Chính sách công và Quản lý Fulbright

Nội dung của bài giảng

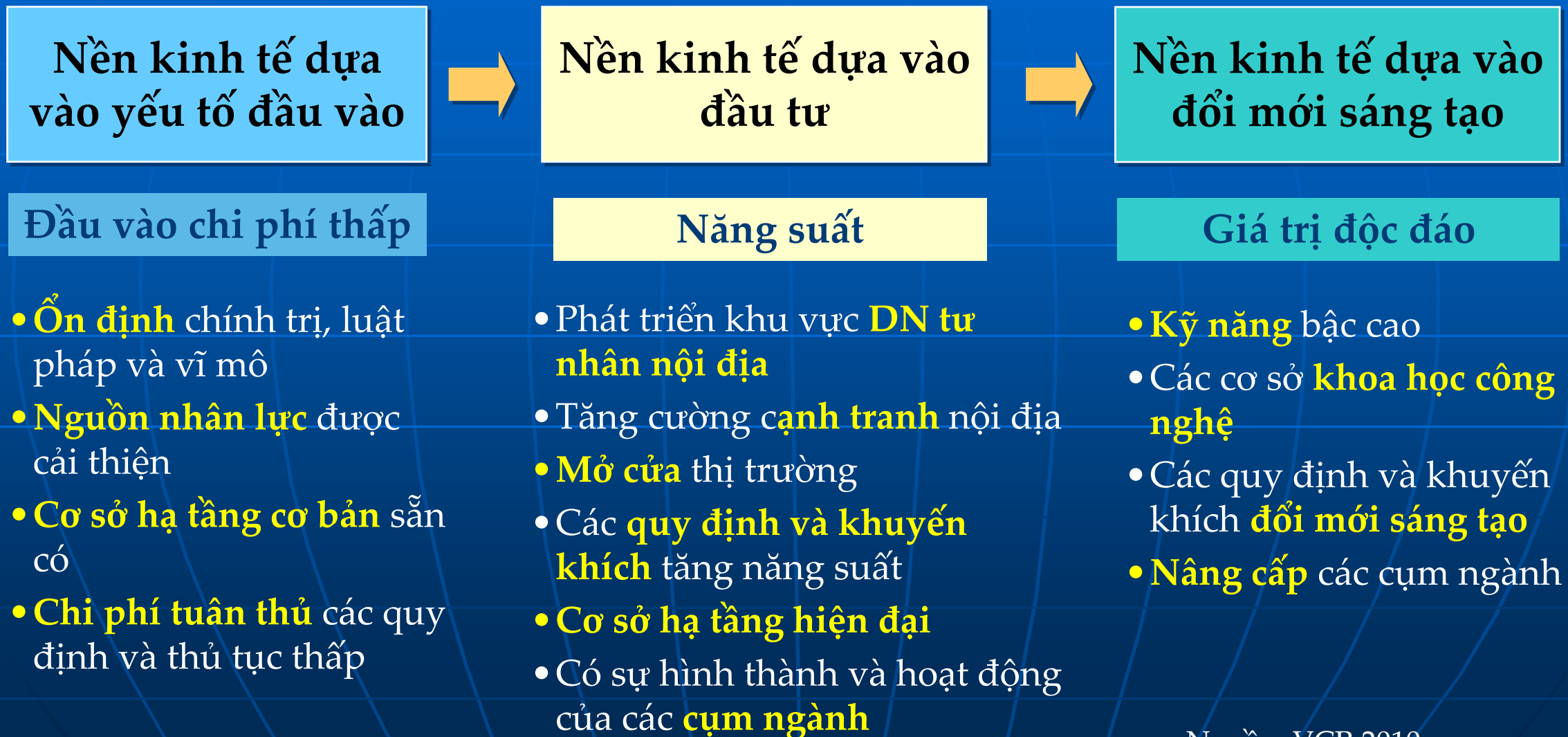
1. Vai trò tương đối của các thành tố năng lực cạnh tranh
2. Các giai đoạn phát triển kinh tế
3. Chuyên môn hóa theo cụm ngành
4. Nâng cấp theo chuỗi giá trị
5. Hội nhập kinh tế quốc tế
6. Liên kết vùng trong nước
7. Vai trò của nhà nước và tư nhân
8. Chiến lược phát triển năng lực cạnh tranh quốc gia
9. Tổ chức năng lực cạnh tranh

1. Vai trò tương đối của các thành tố NLCT



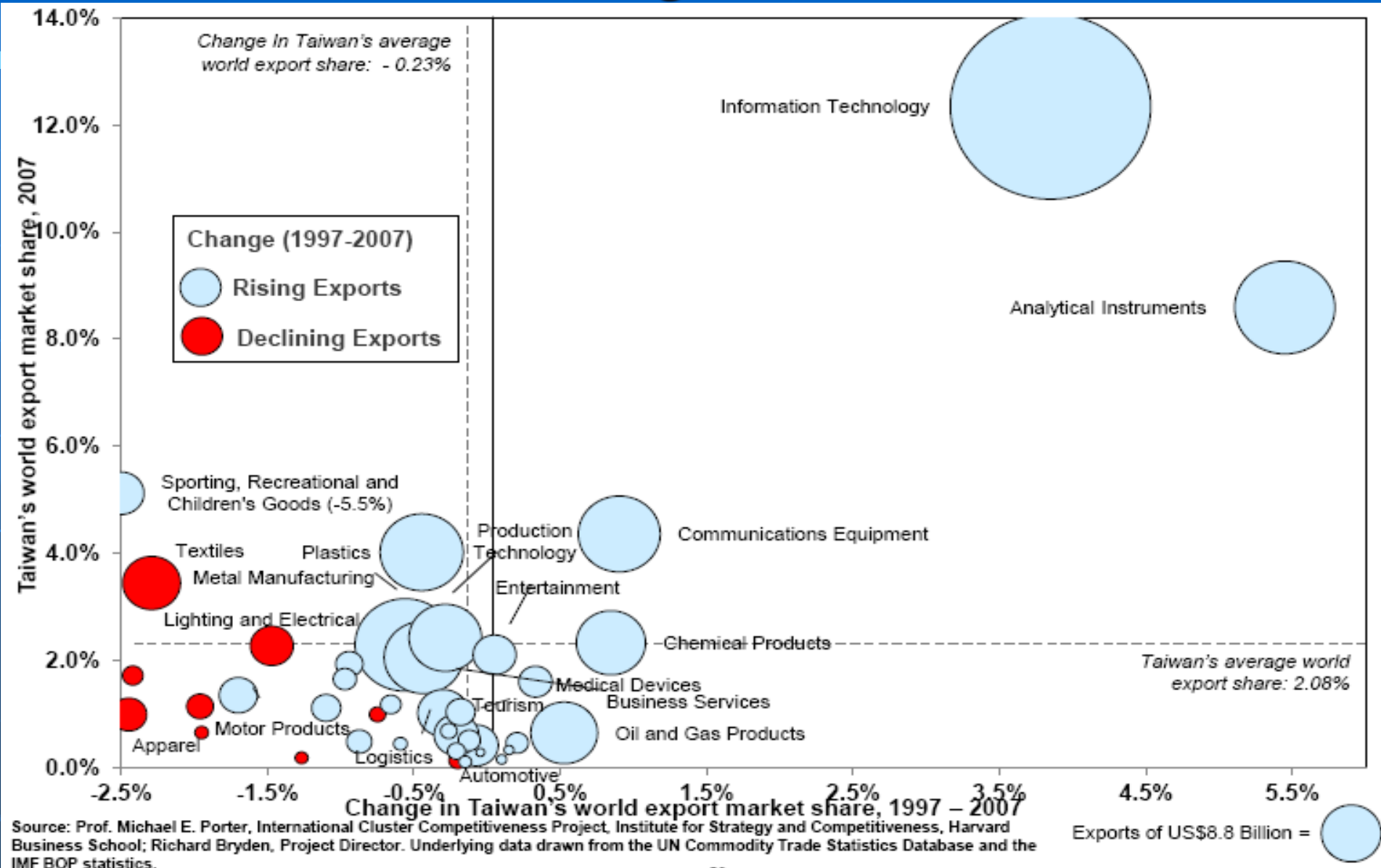
2. Các giai đoạn phát triển kinh tế của quốc gia

Những ưu tiên chính sách khác nhau

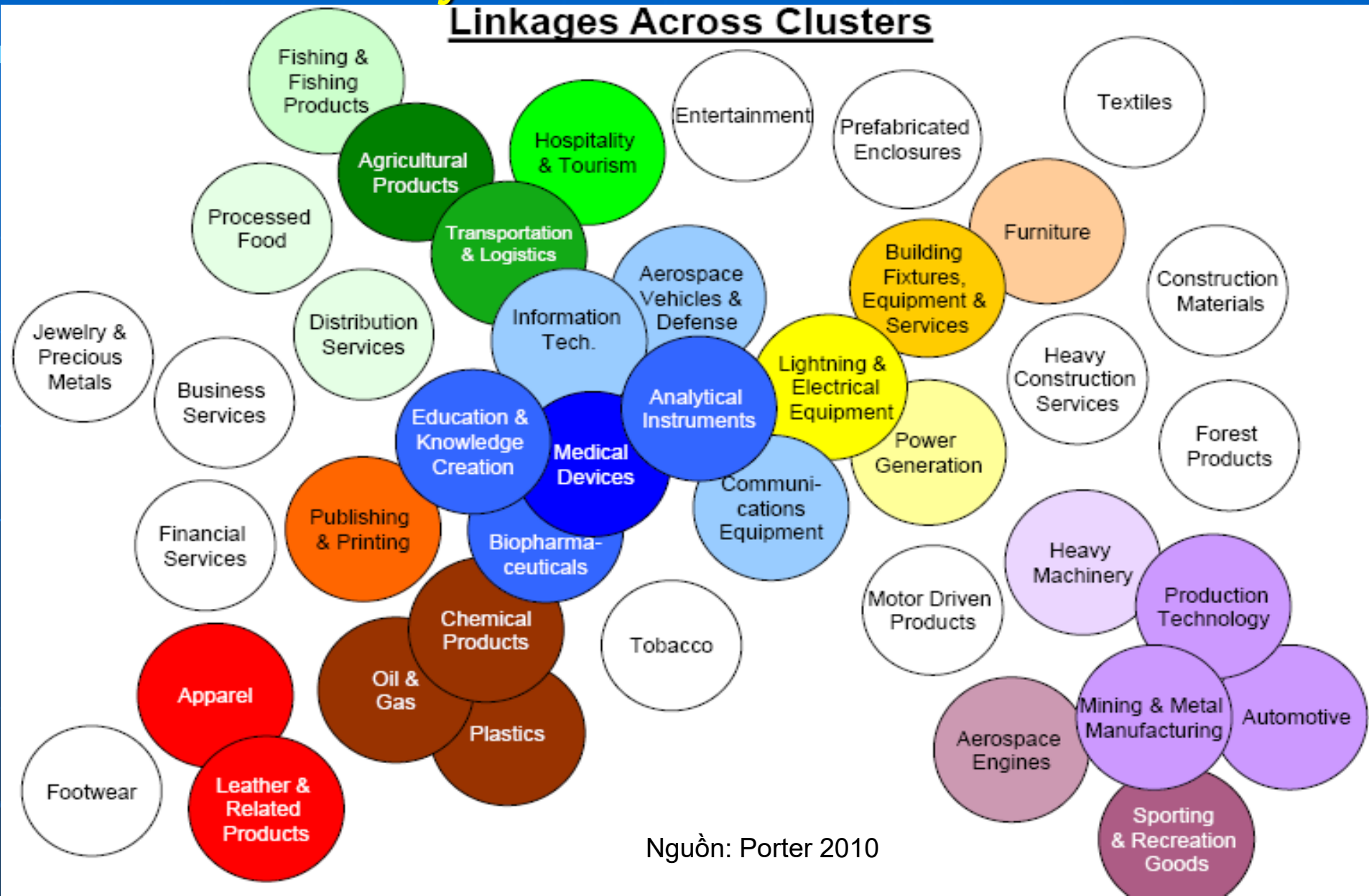


3. Chuyên môn hóa theo cụm ngành

Xuất khẩu của các cụm ngành ở Đài Loan (1997-2007)

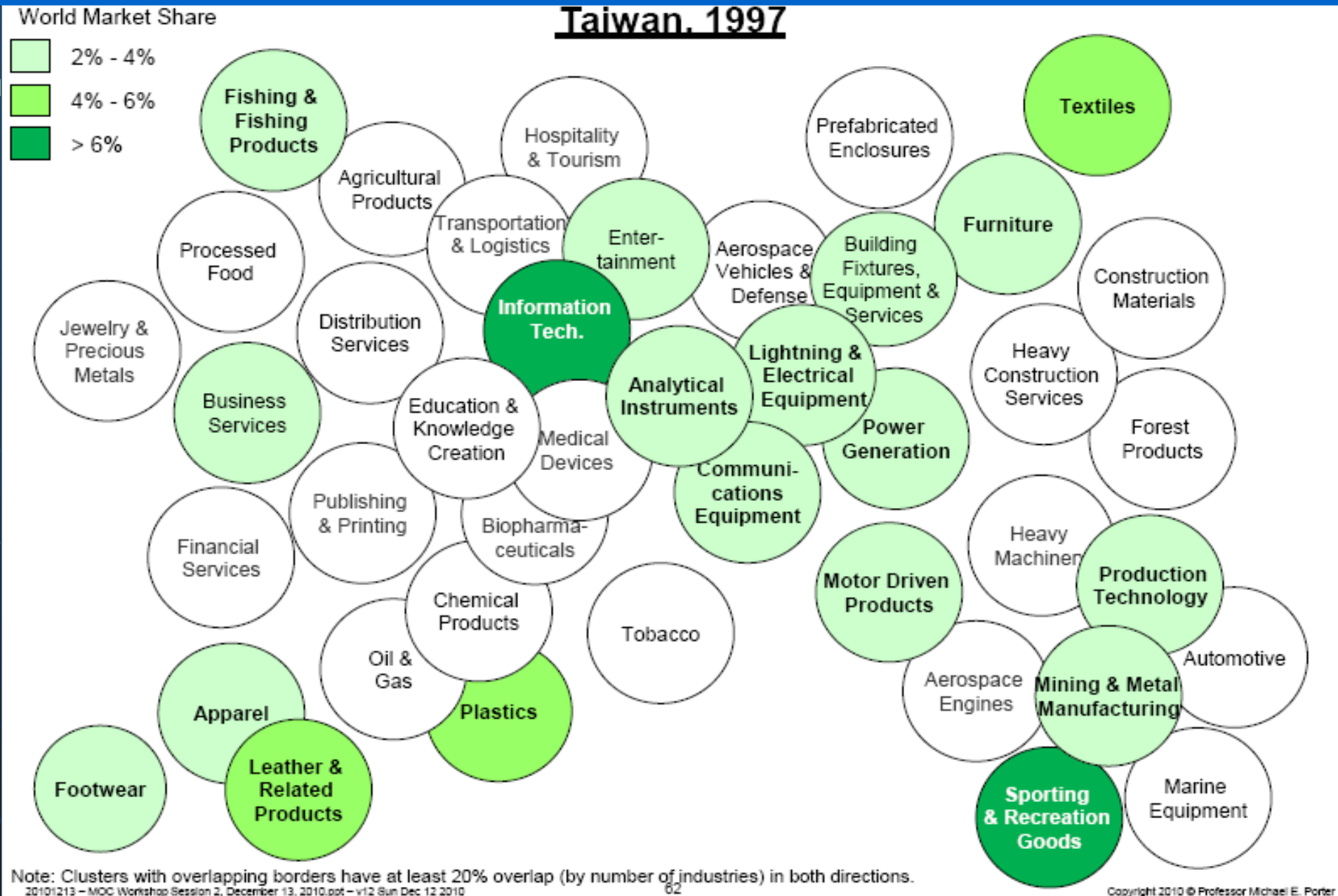


Cụm ngành, liên kết giữa các cụm ngành và chuyển đổi cơ cấu kinh tế

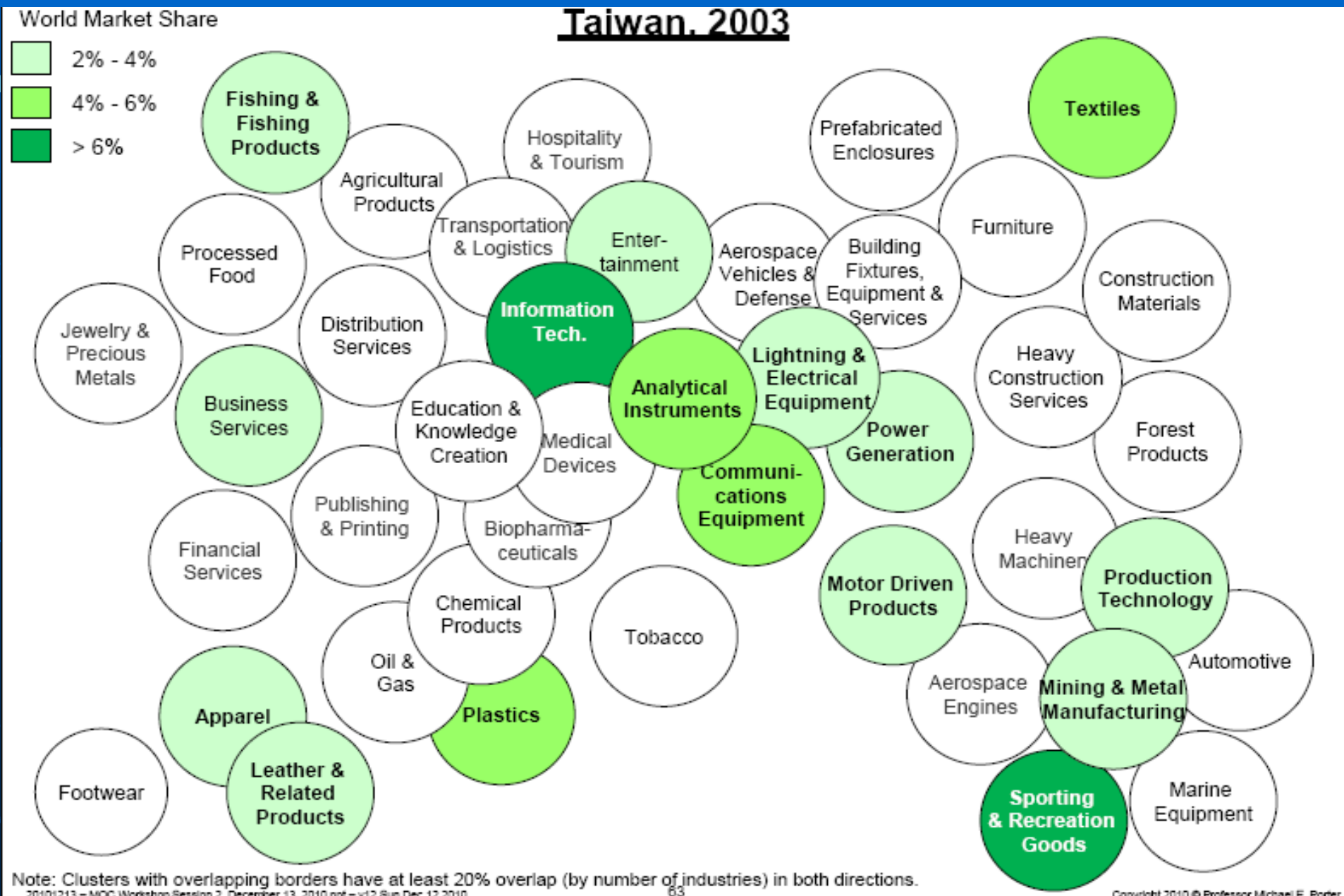


Nguồn: Porter 2010

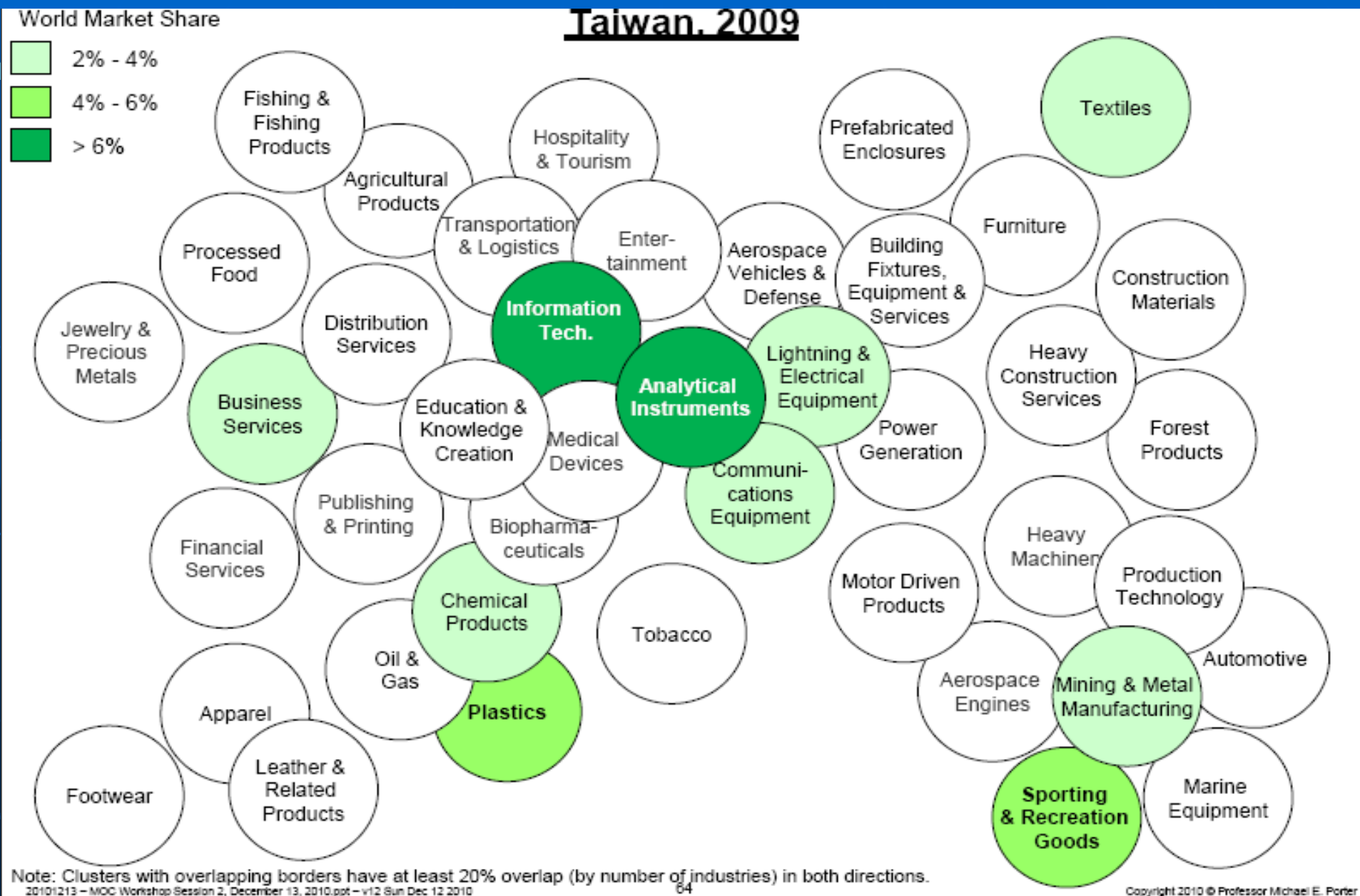
Tỷ trọng xuất khẩu của Đài Loan (1997)



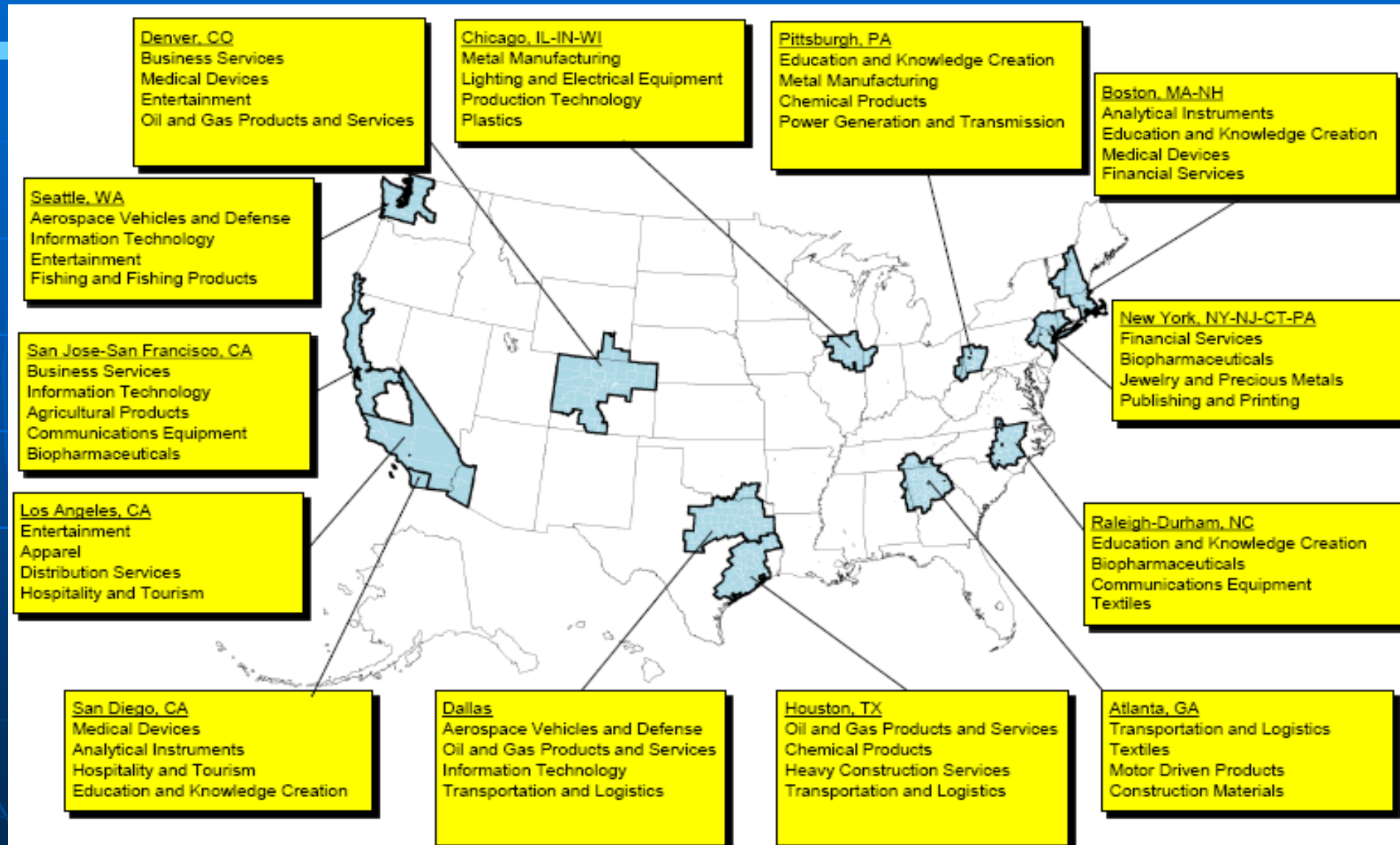
Tỷ trọng xuất khẩu của Đài Loan (2003)



Tỷ trọng xuất khẩu của Đài Loan (2009)



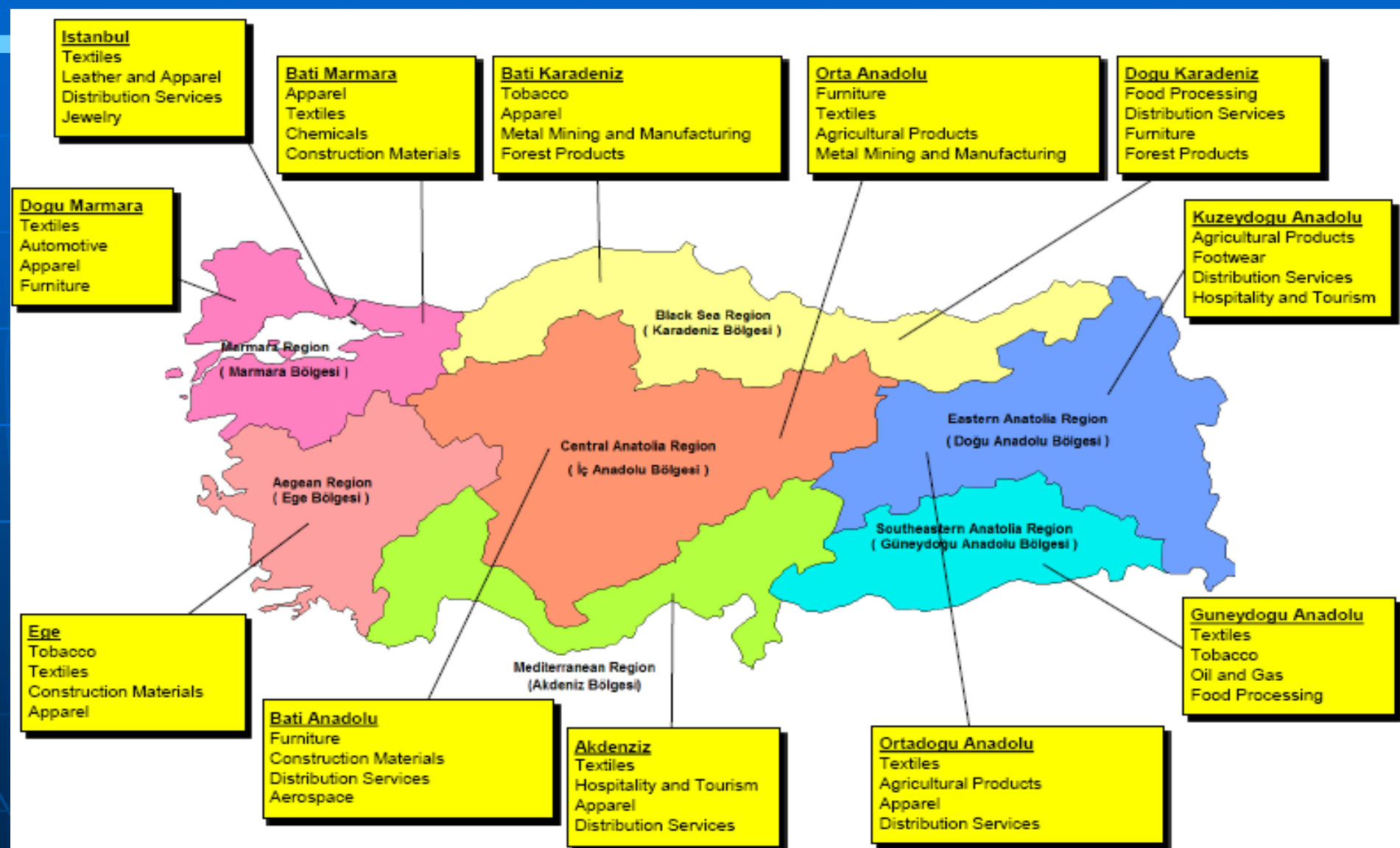
Chuyên môn hóa theo cụm ngành ở Mỹ



Source: Prof. Michael E. Porter, Cluster Mapping Project, Institute for Strategy and Competitiveness, Harvard Business School; Richard Bryden, Project Director.

20101213 - MOC Workshop Session 2, December 13, 2010.ppt - v12 (Sun Dec 12 2010)

Chuyên môn hóa theo cụm ngành ở Thổ Nhĩ Kỳ



Note: Source: European Cluster Observatory, 2009

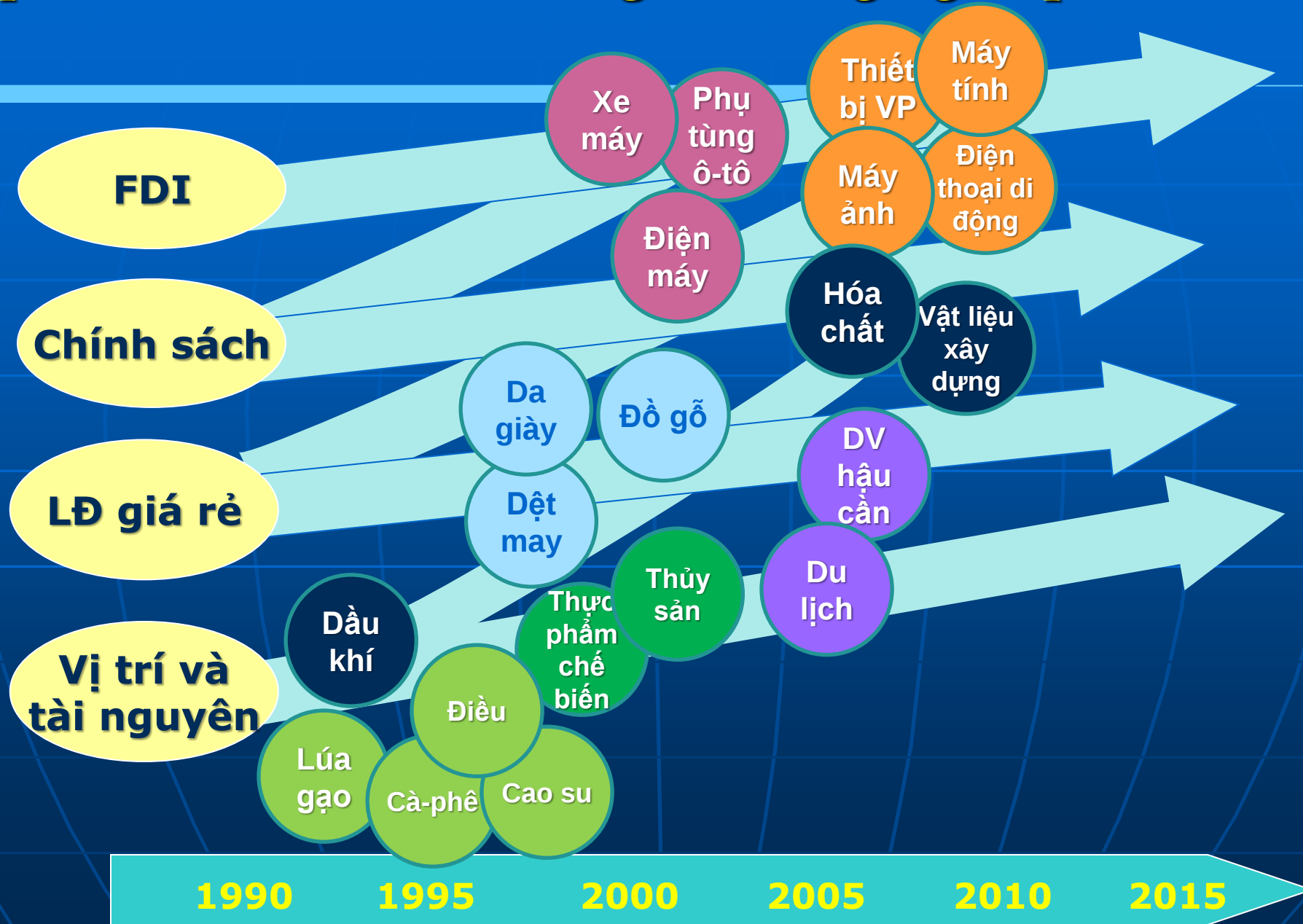
20101213 - MOC Workshop Session 2, December 13, 2010.ppt - v12 Sun Dec 12 2010

Sự trỗi dậy của các cụm ngành ở Việt Nam

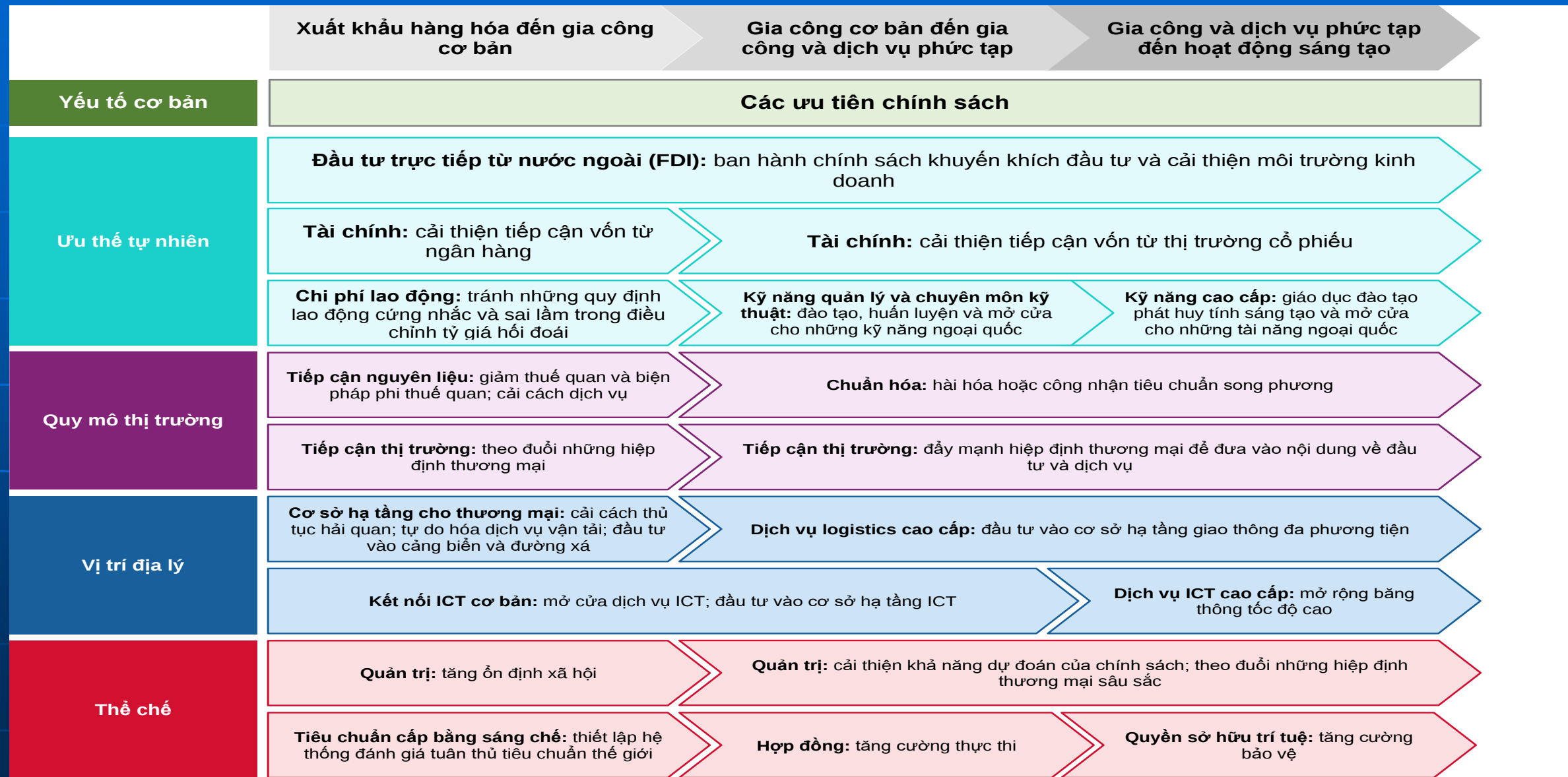
Các cụm ngành công nghiệp phát triển thành công đều tập trung theo cụm ở một địa phương hay một vùng



Sự phát triển của các cụm ngành công nghiệp ở Việt Nam



4. Nâng cấp công nghiệp thông qua chuỗi giá trị



5. Hội nhập khu vực và năng lực cạnh tranh

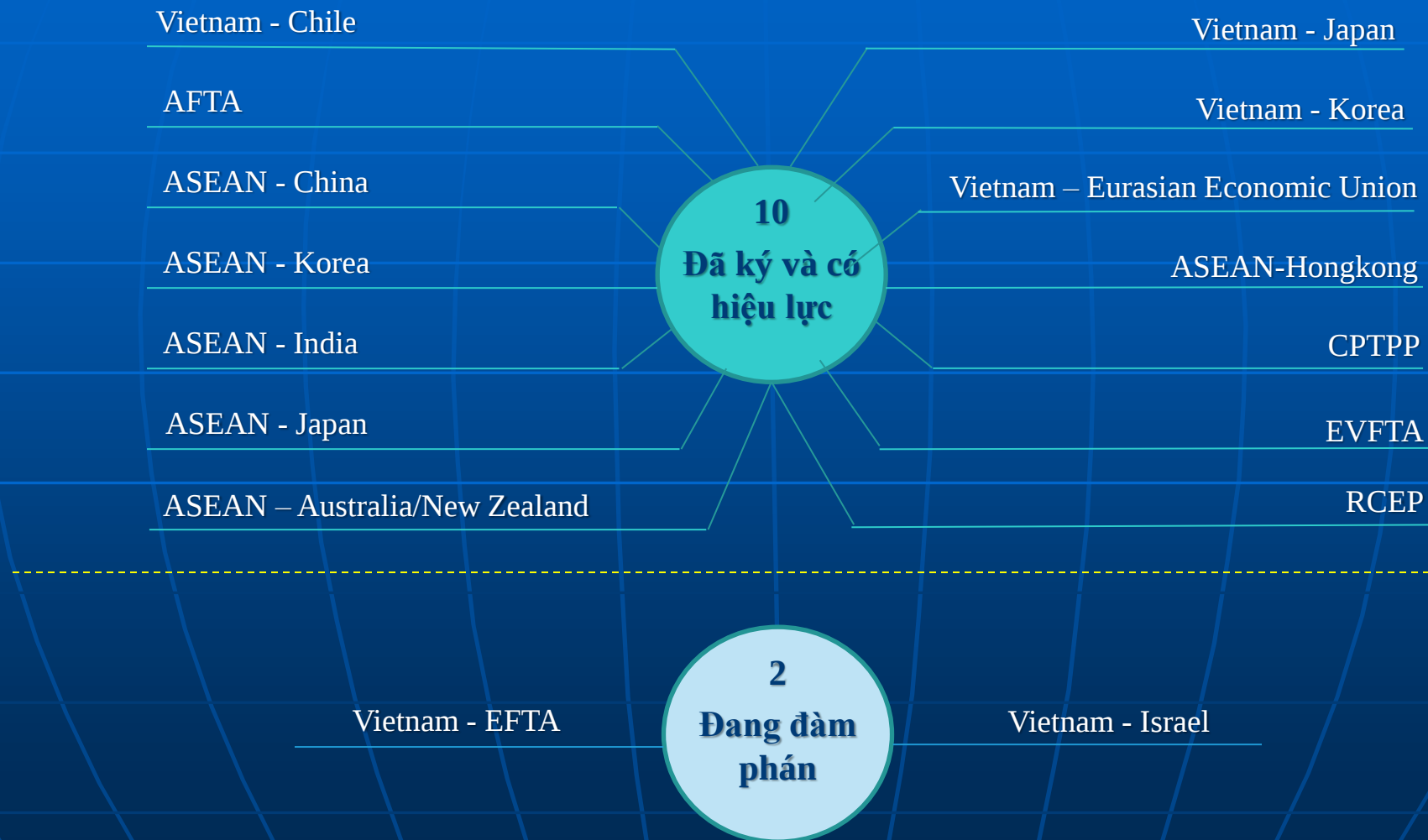
- Thông thường, **mở cửa thương mại** và **đầu tư** xảy ra giữa các nước trong **cùng khu vực**
 - Các nước **láng giềng** thường là các đối tác đầu tư và thương mại tự nhiên và quan trọng nhất
 - Con đường tự nhiên để quốc tế hóa là xâm nhập các thị trường trong **khu vực**
 - Mở cửa thương mại và đầu tư giữa các quốc gia trong **khu vực** giúp tất cả trở thành địa điểm đầu tư hấp dẫn hơn
- **Hợp tác kinh tế** giúp cải thiện môi trường kinh doanh
 - Đạt được sự **đồng bộ** trong chính sách và cơ sở hạ tầng
 - Có **vị thế thương lượng** cao hơn trên diễn đàn quốc tế
- Các **hiệp ước đối ngoại** có thể giúp khắc phục trở lực cho cải cách kinh tế và chính trị trong nước

Hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế

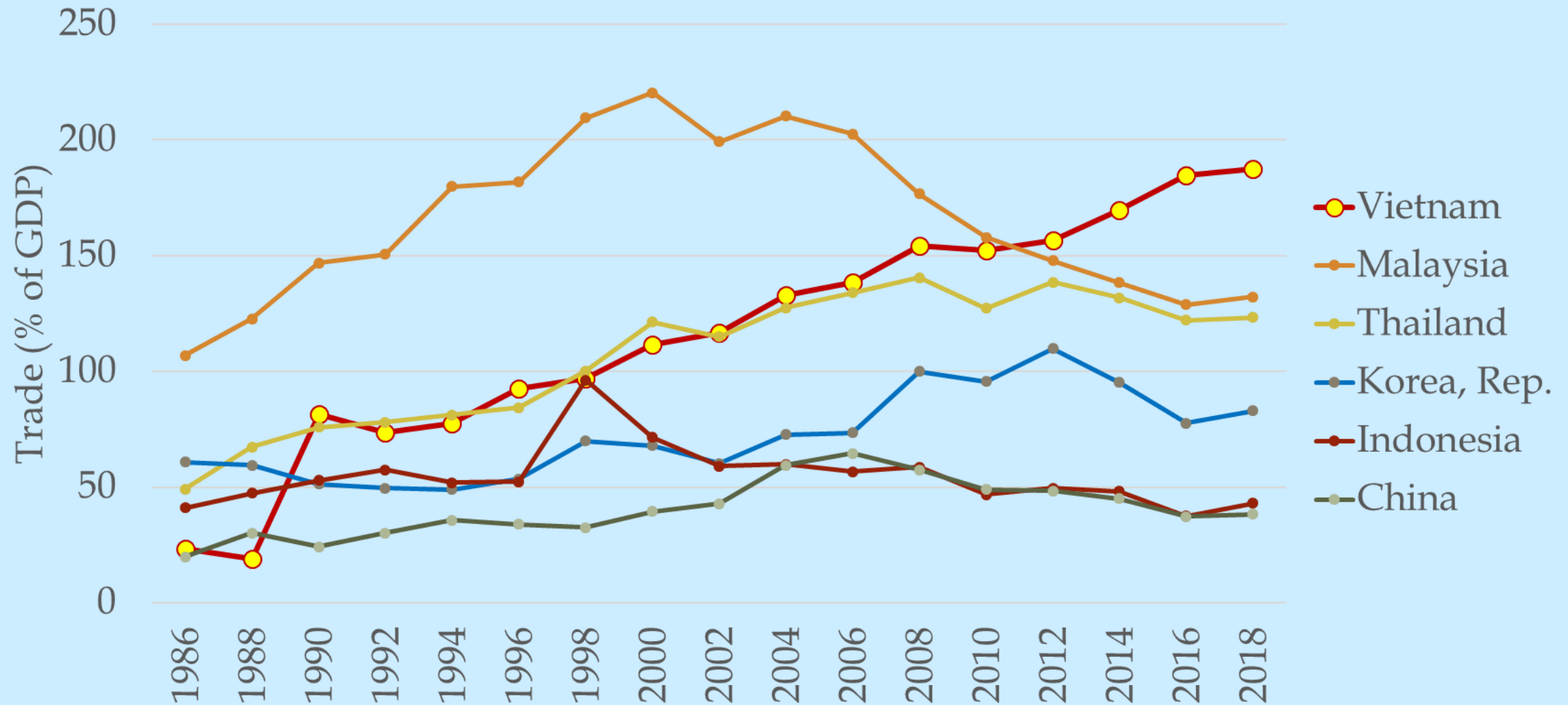
Southern Asia



Việt Nam hết sức năng động trong hội nhập



Việt Nam có độ mở thương mại rất cao



6. Liên kết kinh tế vùng và năng lực cạnh tranh

- Kết quả kinh tế **rất khác nhau** giữa các vùng và địa phương
- Nhiều **đòn bẩy** kinh tế quan trọng đối với NLCT nằm ở cấp độ vùng
- Liên kết vùng ở VN nặng về **hình thức**, không thực chất, kém hiệu quả
- Để tăng cường năng lực cạnh tranh cần sự **hợp tác hiệu quả của vùng** và **điều phối hiệu quả của trung ương**
- Định hướng mới cho liên kết vùng:
 - **Quy hoạch vùng?**
 - **Chuyên môn hóa** vào các cụm ngành khác nhau
 - **Chiến lược** và chương trình hành động của vùng để nâng cao NLCT
 - **Chính quyền vùng?**

7. Vai trò của khu vực nhà nước và tư nhân

Sự chuyển đổi về vai trò và trách nhiệm

Mô hình cũ

- Chính phủ dẫn dắt phát triển kinh tế thông qua các chính sách và khuyến khích từ trên xuống

Mô hình mới

- Phát triển kinh tế là quá trình **hợp tác** giữa khu vực nhà nước với khu vực doanh nghiệp, học thuật, và các tổ chức dân sự khác

Năng lực cạnh tranh là kết quả của cả hai quá trình **từ dưới lên** và **từ trên xuống** trong đó mỗi tác nhân có liên quan có vai trò riêng nhưng bổ sung cho nhau.

Vai trò của khu vực tư nhân trong phát triển kinh tế

- Là khu vực **trực tiếp** tạo ra việc làm và giá trị gia tăng
- Giúp chính phủ hiểu được những **nhu cầu** và **cản trở** đối với hoạt động kinh doanh và phát triển cụm ngành
- Nuôi dưỡng các nhà **cung ứng địa phương** và là một động lực thu hút **đầu tư nước ngoài**
- Hợp tác và khuyến khích các trường đại học và viện nghiên cứu nâng cao **chất lượng** và **tính thực tiễn**
- **Hợp tác** giữa các công ty giúp tăng cường năng lực cạnh tranh thông qua hiệp hội hay các cơ chế khác
- Tham gia tích cực trong các **sáng kiến NLCT** của vùng và quốc gia
- Tham gia các sáng kiến cải thiện **môi trường kinh doanh**, tăng cường **trách nhiệm xã hội** và **bảo vệ môi trường**

8. Chiến lược phát triển NLCT quốc gia

Cải thiện chính sách

- Áp dụng các **thực tiễn tốt nhất** cho mỗi lĩnh vực chính sách



- Có **rất nhiều** lĩnh vực chính sách quan trọng
- Không quốc gia nào có thể đồng thời cải thiện **mọi chính sách**

Chiến lược kinh tế

- Cần phải **xác định rõ ưu tiên** có tính chiến lược nhằm tạo lập **vị thế cạnh tranh** độc đáo

Chiến lược phát triển NLCT quốc gia

Giá trị mục tiêu quốc gia

■ Đây là **vị thế cạnh tranh đặc thù** của quốc gia với vị trí địa lý, di sản văn hóa, các thế mạnh hiện tại và thế mạnh tiềm năng?

- **Giá trị đặc thù** của quốc gia như một nơi sản xuất/kinh doanh/tái tạo bản thân?
- Quốc gia nên hướng tới những **cụm ngành** và **cơ cấu kinh tế** nào?
- **Vai trò, thế vị** của quốc gia đối với láng giềng, khu vực và thế giới

Tạo dựng các thế mạnh đặc thù

- Những yếu tố nào trong các thành tố của NLCT là **thế mạnh độc đáo**?
- Những cụm ngành **hiện tại** và **mới nổi** thể hiện thế mạnh gì của quốc gia?

Bắt kịp và duy trì để ngang bằng với các nước láng giềng

- Những **điểm yếu** nào cần được giải quyết để tháo gỡ các trở ngại và đạt kết quả tương đương với các nước bạn?

- **Xác định ưu tiên** và **trình tự** hết sức cần thiết cho phát triển kinh tế

Một số “phép thử” của chiến lược

- **Vị thế độc đáo** đã được cảm nhận rõ rệt và phát biểu tường minh chưa?
 - Vị thế này có giúp tạo ra **hình ảnh tích cực** cho đất nước?
 - Vị thế này có **tạo cảm hứng** cho người dân không?
- Chiến lược có được xây dựng trên cơ sở **các điểm mạnh**?
 - Đây có phải là các **điểm mạnh thực sự** so với lân bang và các quốc gia cạnh tranh?
- Chiến lược có giúp khắc phục **các điểm yếu** và nút thắt cơ bản không?
- Chiến lược có **phù hợp với xu thế tiến bộ** toàn cầu không?
- Cải cách kinh tế có nằm trong một **tổng thể** bao gồm cả những cải cách chính trị và xã hội hay không?
- **Ý chí và sự đồng thuận về chính trị** đã sẵn sàng để thực hiện chiến lược hay chưa?

Một số “phép thử” của chiến lược

- Những **ưu tiên chính sách** có phù hợp với chiến lược không?
 - Sự lựa chọn và thiết kế của các **chính sách đặc biệt**?
 - **Trình tự** thực hiện chính sách?
- Chiến lược có được **truyền đạt một cách rõ ràng** tới các đối tượng có lợi ích hữu quan không?
 - **Khu vực tư nhân** có được tham gia không?
 - Bản thân **chính phủ có được tổ chức** để thực hiện chiến lược này không?
- Có **cơ chế phối hợp tổng thể** cho chiến lược không?
- **Chất lượng** của các cơ quan nhà nước và các thể chế khác có đủ để thực thi chiến lược một cách hiệu quả không
- Có các **cơ chế đo lường** sự tiến bộ và **đánh giá/điều chỉnh** chiến lược khi kết quả được cải thiện hay các điều kiện khác thay đổi hay không?

9. Tổ chức năng lực cạnh tranh

- Chính phủ là một thực thể phức tạp; năng lực cạnh tranh chịu tác động của **rất nhiều cơ quan chính phủ**
 - **Nhiều cơ quan, ban ngành** ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh
 - Không chỉ các bộ ngành **kinh tế** mà cả bộ ngành **xã hội** cũng ảnh hưởng tới NLCT
 - **Chính quyền các cấp** đều ảnh hưởng tới năng lực cạnh tranh
 - **Quan hệ đối ngoại** cũng tác động tới năng lực cạnh tranh
- Năng lực cạnh tranh hiếm khi là trách nhiệm của một cơ quan chuyên biệt mà **liên đới** tới nhiều cơ quan khác nhau
- Vì vậy cần phải có một **cơ chế và cấu trúc hợp tác** (ví dụ như **Hội đồng chính sách cạnh tranh**):
 - **Khuôn khổ thống nhất** trong hoạch định chiến lược và thực thi chính sách NLCT
 - **Kế hoạch hành động** có ưu tiên và trình tự hợp lý
 - **Giám sát thực thi**, vòng lặp phản hồi, điều chỉnh chiến lược và chính sách